TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập –Tự do- Hạnh phúc
Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST Ngày: 27-3-2025 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hứa Thanh Hải;

Ông Phan Hồng Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trịnh Tú E, sinh năm 1990, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn H, sinh năm 1990, vắng mặt.

Cùng nơi thường trú: Số A, tổ A, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trịnh Tú E trình bày:

Bà E và ông H tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 41/2011, quyển số 01/2011 ngày 17 tháng 5 năm 2011.

Sau khi kết hôn, bà E và ông H sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên sau một thời gian chung sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cả hai không tìm được tiếng nói chung, ông H không phụ giúp bà E trong việc chăm sóc con cũng

như không lo về kinh tế cùng bà E. Mỗi lần ông H đi uống rượu về thường xuyên cải vã nhau, không tìm được tiếng nói chung. Bà E và ông H sống ly thân và không sống chung một nhà hơn một năm nay. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà E khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà E và ông H có ba con chung là Lê Văn M, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2011; Lê Văn T sinh ngày 05 tháng 4 năm 2013 và Lê Thị Như Ý sinh ngày 13 tháng 6 năm 2017. Sau khi ly hôn, bà E yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà E không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà E không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tòa án tiến hành tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bị đơn tại nơi bị đơn đang sinh sống, tuy nhiên bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Bà E có yêu cầu xét xử vắng mặt và bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà E được ly hôn với ông H; về con chung: Giao 03 con chung là Lê Văn M, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2011; Lê Văn T sinh ngày 05 tháng 4 năm 2013 và Lê Thị Như Ý sinh ngày 13 tháng 6 năm 2017 cho bà E được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 con chung; về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà E không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung; về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[2] Về tố tụng:

[2.1] Bà Em khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông H; ông H tạm trú tại khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với bị đơn Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, cố tình không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xét xử vắng mặt bà E và ông H theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà E và ông H kết hôn vào ngày 17 tháng 5 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 41/2011, quyển số 01/2011 ngày 17 tháng 5 năm 2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa bà E và ông H chính quyền địa phương không nhận thấy mâu thuẫn gì, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập để ông H tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt xem như ông đã từ bỏ quyền trình bày để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và cũng chứng tỏ ông H không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Ngoài ra, bà E và ông H sống ly thân và không chung một nhà hơn một năm nay và hiện nay không sống chung, vợ chồng không cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con và cùng nhau xây dựng kinh tế, hạnh phúc gia đình như vậy vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó, bỏ mặc nhau.

[3.3] Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa bà E và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà E yêu cầu được ly hôn với ông H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà E và ông H có ba con chung là Lê Văn M, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2011; Lê Văn T sinh ngày 05 tháng 4 năm 2013 và Lê Thị Như Ý sinh ngày 13 tháng 6 năm 2017. Sau khi ly hôn, bà E yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 con chung. Xét, bà E có công việc và

thu nhập ổn định, con chung hiện đang sống chung với bà E. Do đó, để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo và công dân có ích cho xã hội nên tiếp tục giao cháu M, cháu T và cháu Ý cho bà E trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình

[4.1] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà E không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi ba con chung.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Tú E đối với bị đơn ông Lê Văn H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Tú E được ly hôn với ông Lê Văn H.

- Về con chung: Giao ba con chung là Lê Văn M, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2011; Lê Văn T sinh ngày 05 tháng 4 năm 2013 và Lê Thị Như Ý sinh ngày 13 tháng 6 năm 2017 cho bà Trịnh Tú E trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà E không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi ba con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Trịnh Tú E phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000553 ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà